

LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ BẢO VỆ TỰ DO BIỂU ĐẠT TRỰC TUYẾN - TRUNG TÂM CỦA TỰ DO INTERNET

TS. Lã Khánh Tùng
Khoa Luật – Đại học Quốc gia HN

Khác với bất kỳ phương tiện truyền thông nào đã hiện diện trước đây, Internet cho phép cá nhân truyền tải thông tin, tư tưởng theo một cách tức thời, dung lượng khổng lồ và vô cùng thuận tiện. Một mặt, Internet có vai trò tích cực đối với nhiều quyền con người như hỗ trợ quyền giáo dục, tự do biểu đạt, hội họp, lập hội, tôn giáo, quyền tham gia chính trị, tăng cường bình đẳng giới, hỗ trợ các nhóm yếu thế (như người khuyết tật, người thiểu số...), thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Mặt khác, Internet có thể bị sử dụng để xâm phạm quyền riêng tư, sở hữu trí tuệ, xâm phạm quyền của trẻ em và các nhóm yếu thế.

Tự do Internet, dù có nội dung rất rộng,¹ thường được tập trung quan tâm ở khía cạnh tự do quan điểm và biểu đạt trực tuyến (online).² Tự do biểu đạt trong thời đại kỹ thuật số đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều luật gia và nhà nghiên cứu trên thế giới.³ Trong bài viết này, tác giả phân tích khái quát về: 1) *Khuôn khổ pháp lý quốc tế bảo vệ quyền tự do biểu đạt trên Internet*; 2) *Một số thách thức đối với việc thực thi tự do biểu đạt trên Internet trên thế giới hiện nay*.

¹ Tự do Internet (*Internet freedom*), dù chưa có cách hiểu được chấp nhận chung, có thể được hiểu là bao gồm các quyền và tự do cơ bản (tự do biểu đạt, hội họp, lập hội, quyền riêng tư...) được thực thi trên không gian Internet, hay có thể gọi chung là tự do trên Internet (*freedom on the Internet*) và sự bảo đảm việc tiếp cận Internet.

² Một phát biểu được nghiên cứu và thảo luận nhiều về chủ đề tự do Internet là của Ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton tại Newseum, Washington DC, vào năm 2010. Bà cho rằng nhân loại đang chứng kiến cuộc đấu tranh quyết liệt để bảo đảm Internet là một công cụ cho sự cởi mở, cơ hội, biểu đạt và các khả năng, hơn là công cụ để kiểm soát, theo dõi, đàn áp, phân hóa, khủng bố và tội phạm.

³ Một số bài viết học thuật gần đây như: Molly Land, *Toward an International Law on the Internet*, *Havard International Law Journal* (Vol.54, Number 2, Summer 2013); Kitsuron Sangsuvan, *Balancing freedom of speech on the internet under international law*, *North Carolina Journal of International Law and Commercial Regulation*, Volume 39, number 3, Spring 2014; Daniel Joyce, *Internet Freedom and Human Rights*, *The European Journal of International Law*, Vol 26, No 21, 2015.

I. BẢO VỆ TỰ DO BIỂU ĐẠT TRÊN INTERNET VÀ NHỮNG GIỚI HẠN

Quyền tự do biểu đạt có vai trò thiết yếu đối với mọi cá nhân và xã hội dân chủ. Trong lịch sử, quyền tự do này (với những hình thức cụ thể của nó như tự do ngôn luận, tự do báo chí, xuất bản...) đã sớm được các nhà tư tưởng,⁴ các nhà lập hiến, lập pháp⁵ các quốc gia bảo vệ. Từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II, hệ thống pháp luật nhân quyền quốc tế cũng quan tâm bảo vệ quyền dân sự thiết yếu này.⁶ Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của Internet và các phương thức truyền thông trực tuyến, các chuẩn mực nhân quyền quốc tế đã có những bước tiến để bảo vệ quyền tự do biểu đạt trực tuyến, vì nó có những đặc thù khác với tự do biểu đạt trên các phương tiện truyền thông cổ điển.⁷

1. Các nguyên tắc cơ bản bảo vệ tự do biểu đạt trên Internet

Các quyền con người truyền thống khi bước vào thời đại Internet sẽ được bảo vệ theo nguyên tắc chung là “các quyền mà mọi người có ngoại tuyến (ngoài đời/offline) cũng phải được bảo vệ tương tự trực tuyến (trên không gian Internet/online).” Đây là điều đã được nhiều cơ quan bảo vệ nhân quyền của Liên Hợp quốc khẳng định. Như vậy, bên cạnh khả năng thực thi các quyền giáo dục,

⁴ Một số tác phẩm kinh điển bảo vệ tự do ngôn luận, biểu đạt là “Areopagitica” của John Milton (năm 1644), “Bản về tự do” của John Stuart Mill (năm 1859).

⁵ Điển hình như Tu chính án thứ I của Hiến pháp Hoa Kỳ (năm 1791), Luật tự do báo chí của Thụy Điển (năm 1766, đây là luật tự do báo chí đầu tiên trên thế giới).

⁶ Xem thêm: Mục II. 13. Quyền tự do biểu đạt, trong sách “Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966)”, Lê Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nxb. Hồng Đức, 2012, trang 306-355.

⁷ Bài viết này tập trung vào các chuẩn mực toàn cầu (của Liên Hợp quốc), nhưng cạnh đó, ở nhiều cơ chế nhân quyền khu vực (châu Âu, châu Mỹ và châu Phi), quyền tự do biểu đạt nói chung, biểu đạt trên Internet nói riêng, cũng rất được quan tâm. Chẳng hạn, Ủy ban Nhân quyền Liên Mỹ (IACHR) vào năm 1997 đã thiết lập vị trí Báo cáo viên đặc biệt về Tự do Biểu đạt của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS). Năm 2013, Văn phòng của Báo cáo viên này và IACHR đã công bố nghiên cứu tiêu đề “Tự do biểu đạt và Internet” (*Freedom of Expression and the Internet*).

hội họp, giao kết hợp đồng...trên Internet, việc thực thi quyền tự do biểu đạt trực tuyến là một biểu hiện cụ thể của nguyên tắc chung đó trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

Các nguyên tắc nền tảng bảo vệ tự do quan điểm và biểu đạt được quy định tại Điều 19 của Tuyên ngôn nhân quyền phổ quát (UDHR, 1948) và Điều 19 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966). Khoản 1, Điều 19 ICCPR bảo vệ quyền tự do quan điểm mà không bị ai can thiệp. Khoản 2, điều này quy định: “*Mọi người có quyền tự do biểu đạt; quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi loại thông tin và ý tưởng, không phân biệt biên giới, dù bằng miệng, viết hoặc in, dưới hình thức nghệ thuật hoặc thông qua bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác tùy theo sự lựa chọn của họ*”. Như vậy, các biểu đạt được luật nhân quyền bảo vệ liên quan đến mọi lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội hay văn hóa), bất kể biên giới, hình thức hay phương tiện.

Mặc dù Internet không được nhắc đến trực tiếp đến trong UDHR hay ICCPR, nhưng có thể diễn giải cụm từ “bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác” (“any other media”) (Điều 19 ICCPR) bao gồm cả Internet, bên cạnh các phương tiện truyền thông cổ điển như sách, báo chí, radio, truyền hình...

Năm 2011, Ủy ban Nhân quyền (HRC, cơ quan có thẩm quyền giám sát việc thực thi ICCPR) đã thông qua Bình luận chung số 34 thay thế cho Bình luận chung số 10 về Điều 19. Bình luận chung số 34, với tổng số 52 đoạn, bao trùm nhiều khía cạnh chi tiết của quyền tự do quan điểm và biểu đạt, và đặc biệt lưu ý đến các phương tiện truyền thông hiện đại. Trong đó, internet được nhắc đến trực tiếp ở một số nội dung. Về vai trò của các phương tiện truyền thông nói chung, Ủy ban kêu gọi các quốc gia thành viên cần nhắc đến mức độ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, đã làm thay đổi đáng kể các hành vi thông tin trên toàn thế giới, như các hệ thống truyền thông dựa vào Internet và điện thoại di động (đoạn 16). Về phạm vi giới hạn quyền, Ủy ban lưu ý các quốc gia khi xây dựng pháp luật cần quan tâm đến “sự khác biệt giữa báo in, truyền thanh truyền hình và Internet”, bên cạnh những điểm chung của các phương tiện này (đoạn 39).⁸

⁸ Xem toàn văn Bình luận chung số 34 trong Phụ lục sách Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), Lê Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nxb. Hồng Đức, 2012.

Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc đã thông qua ít nhất ba nghị quyết về tự do Internet (vào các năm 2012, 2014 và 2016). Năm 2012, xuất phát từ sáng kiến của Thụy Điển và được nhiều quốc gia ủng hộ, Hội đồng đã thông qua Nghị quyết 20/8 về thúc đẩy, bảo vệ và thụ hưởng quyền con người trên Internet. Nghị quyết khẳng định rằng “các quyền mà mọi người có ngoài tuyến cũng phải được bảo vệ tương tự trực tuyến, đặc biệt là tự do ngôn luận, được áp dụng bất kể biên giới và thông qua bất kỳ phương tiện nào do một người lựa chọn, phù hợp với các điều khoản 19 của Tuyên ngôn Nhân quyền phổ quát và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”. Gần đây, vào năm 2016, Hội đồng Nhân quyền lại thông qua một nghị quyết (A/HRC/32/L.20) tái khẳng định các quyền mà mọi người có ngoài đời cũng phải được bảo vệ trên không gian Internet. Nghị quyết đặc biệt lên án các hành động ngăn chặn tiếp cận Internet, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tiếp cận thông tin và quyền riêng tư trực tuyến để hiện thực hóa quyền tự do biểu đạt và duy trì quan điểm mà không bị phân biệt.

Trong số các thủ tục đặc biệt, Báo cáo viên đặc biệt (*Special Rapporteur*) về thúc đẩy và bảo vệ quyền tự do quan điểm và biểu đạt là cơ chế được Liên Hợp quốc thành lập từ năm 1993.⁹ Trong một số báo cáo thường niên của mình, Báo cáo viên đã tập trung vào chủ đề liên quan đến Internet như: tiếp cận nội dung, tiếp cận kết nối Internet (báo cáo năm 2011); tự do biểu đạt, các nhà nước và chủ thể tư nhân trong kỷ nguyên số (báo cáo năm 2016); vai trò của các nhà cung cấp tiếp cận kỹ thuật số (báo cáo năm 2017).

Trong năm 2011, bốn chuyên gia về lĩnh vực tự do biểu đạt và truyền thông của Liên Hợp quốc và cơ chế nhân quyền một số khu vực (châu Âu, châu Phi và châu Mỹ) đã cũng nhau đưa ra một Tuyên bố chung về tự do biểu đạt và internet.¹⁰

⁹ Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt hiện nay là luật gia David Kaye (Hoa Kỳ), đảm nhiệm từ tháng 8 năm 2014, trước đó là các ông Frank William La Rue (Guatemala), giai đoạn 2008 – 2014, Ambeyi Ligabo (Kenya), 2002 – 2008, và Abid Hussain (Ấn Độ), 1993 – 2002.

¹⁰ Các chuyên gia gồm: Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt của Liên Hợp quốc, Đại diện đặc biệt về Tự do truyền thông của Tổ chức An ninh và hợp tác châu Âu (OSCE), Báo cáo viên đặc biệt về Tự do biểu đạt của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS), Báo cáo viên đặc biệt về Tự do biểu đạt và tiếp cận thông tin của Ủy ban quyền con người và các dân tộc châu Phi (ACHPR). Liên tục từ năm 1999, các chuyên gia này hàng năm đều đưa ra một Tuyên bố chung về một chủ đề cần quan tâm của tự do biểu đạt.

Năm 2017, các chuyên gia này lại cùng nhau lên tiếng về vấn nạn “tin giả”, làm sai lệch thông tin trên các phương tiện truyền thông, bao gồm mạng xã hội và Internet.

Nhìn chung, khuôn khổ pháp luật nhân quyền quốc tế bảo vệ cả hai khía cạnh của tự do biểu đạt trên Internet: về phương tiện là quyền tiếp cận kết nối Internet và về nội dung (mọi lĩnh vực chủ đề và bất kể biên giới).

2. Những giới hạn chính đáng đối với tự do biểu đạt trên Internet

Bình luận chung số 10 (1983), HRC đã phân biệt giữa “quyền giữ quan điểm” với “quyền tự do biểu đạt”. Ủy ban khẳng định quyền được giữ quan điểm mà không bị ai can thiệp nêu ở khoản 1, Điều 19 ICCPR là quyền tuyệt đối, không được hạn chế hay tước bỏ trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình huống khẩn cấp của quốc gia (đoạn 1).

Tuy nhiên, quyền tự do biểu đạt có thể phải chịu những hạn chế nhất định, với điều kiện những hạn chế đó phải được quy định trong pháp luật và chỉ để nhằm các mục đích như nêu ở khoản 3, Điều 19 (tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác, bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức công chúng). Cảnh đó, Điều 20 đặt ra giới hạn cấm tuyên truyền cho chiến tranh (khoản 1) và ngôn luận gây hấn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động sự phân biệt đối xử về chủng tộc, sự thù địch, hoặc bạo lực (khoản 2).

Nhìn chung, việc giới hạn tự do biểu đạt phải đáp ứng đồng thời cả ba căn cứ (còn được gọi là “một cuộc kiểm tra ba phần”/ *“a three -part test”*): 1) Việc giới hạn phải được quy định trong luật, hơn thế, luật đó phải quy định một cách rõ ràng, cụ thể để các cá nhân có thể tuân thủ; 2) Giới hạn phải nhằm đến một mục đích chính đáng; 3) Giới hạn là cần thiết và tuân thủ nguyên tắc tương xứng, biện pháp giới hạn phải là phương tiện ít xâm hại nhất trong số những biện pháp nhằm bảo vệ và phải tương xứng với lợi ích cần được bảo vệ.

Để làm rõ hơn các căn cứ chính đáng cho việc giới hạn, các chuyên gia nhân quyền đã thảo luận và hình thành nên Các Nguyên tắc Siracusa về giới hạn và đình chỉ các điều khoản trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1985) và Các Nguyên tắc Johannesburg về an ninh quốc gia, tự do biểu đạt và tiếp cận thông tin (năm 1996). Hai bộ nguyên tắc này đã làm rõ thêm nội hàm của các

căn cứ để có thể hạn chế quyền như “trật tự công cộng”, “sức khỏe của công chúng”, “đạo đức cộng đồng”, “an ninh quốc gia”...¹¹

Những giới hạn trên đối với tự do biểu đạt nói chung cũng áp dụng đối với tự do biểu đạt trên không gian Internet. Một cách cụ thể và trực tiếp hơn, trong Bình luận chung số 34, về việc hạn chế quyền theo khoản 3, Điều 19, HRC cũng đã khẳng định: Bất kỳ hạn chế nào lên việc vận hành các trang web, trang blog hay bất kỳ hệ thống truyền bá thông tin bằng Internet, điện tử hay hệ thống nào khác, bao gồm cả các hệ thống phụ trợ thông tin như nhà cung cấp dịch vụ Internet hay công cụ tìm kiếm, chỉ được phép ở mức độ phù hợp với khoản 3. Những hạn chế được phép nói chung phải cụ thể về nội dung; việc cấm đoán chung chung hoạt động của một địa chỉ hay hệ thống cụ thể là không phù hợp với khoản 3. Việc cấm một địa chỉ hay một hệ thống truyền bá thông tin không được xuất bản tài liệu chỉ dựa trên cơ sở là tài liệu ấy có thể phê phán chính phủ hay hệ thống chính trị xã hội được chính phủ ủng hộ cũng là không phù hợp với khoản 3 (đoạn 43).

Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt, Frank La Rue, đã ủng hộ các nguyên tắc trên trong báo cáo thường niên của mình năm 2011. Cạnh đó, Báo cáo viên còn làm rõ thêm phạm vi giới hạn chính đáng liên quan đến nội dung biểu đạt. Một số loại biểu đạt mà các nhà nước cần cấm theo luật quốc tế là: văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em, kích động việc thực hiện hành vi diệt chủng, vận động hận thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo đến mức cấu thành sự kích động kỳ thị, thù địch hoặc bạo lực, kích động khủng bố.¹²

II. MỘT SỐ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI TỰ DO BIỂU ĐẠT TRÊN INTERNET

Các thách thức, cản trở đối với việc thực thi quyền tự do biểu đạt nói chung, biểu đạt trên Internet nói riêng không chỉ đến từ nhà nước mà còn đến từ nhiều chủ thể trong xã hội. Việc chối bỏ tự do biểu đạt thường liên quan đến việc duy trì

¹¹ Xem Các Nguyên tắc Siracusa và Các Nguyên tắc Johannesburg trong Phụ lục sách “ABC về các quyền dân sự, chính trị cơ bản”, Lê Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nxb. Hồng Đức, 2014.

¹² Báo cáo thường niên 2011 của Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt (A/66/290), được Tổng Thư ký chuyển đến Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, đoạn 20 đến 36.

quyền lực, muốn độc quyền chân lý của các nhà cầm quyền độc đoán, giới doanh nhân háms lợi, hoặc từ bản năng hay mong muốn áp chế cá tính, sự khác biệt của cá nhân bởi đám đông. Nhìn chung, hai nhóm thách thức chính đối với tự do biểu đạt trên Internet đã được cộng đồng quốc tế tập trung thảo luận là: 1) Việc kiểm soát nội dung của biểu đạt trên Internet, và 2) Việc tiếp cận kết nối Internet.

1. Kiểm soát nội dung biểu đạt trên Internet

Sự vi phạm đối với biểu đạt trên Internet về nội dung trên thế giới hiện nay, cũng thể hiện những xu hướng đáng lo ngại, có một số hình thức phổ biến sau:

Thứ nhất, nhiều quốc gia kiểm soát nội dung thông tin, quan điểm bằng chính sách, pháp luật về Internet, cũng như lạm dụng các quy định về an ninh quốc gia, phỉ báng tôn giáo. Phần nào việc kiểm soát này xuất phát từ nỗi lo lắng rằng tự do Internet có thể đe dọa đến ổn định chính trị và trật tự xã hội. Hàng năm, tổ chức phi chính phủ Phóng viên Không Biên giới (RFS) công bố báo cáo nghiên cứu với tên gọi “Kẻ thù của Internet” vào ngày Thế giới chống kiểm duyệt không gian mạng (World Day Against Cyber-Censorship), ngày 12 tháng 3, chỉ ra các cơ quan nhà nước trên thế giới thực thi việc kiểm duyệt và giám sát mạng. Không chỉ các cơ quan quản lý thông tin của các quốc gia như Pakistan, Trung Quốc, Triều Tiên bị cáo buộc sử dụng bảo vệ an ninh quốc gia làm căn cứ để “đi quá xa khỏi nhiệm vụ ban đầu để theo dõi, kiểm duyệt các nhà báo, bloggers và những người cung cấp thông tin khác”, mà cả một số cơ quan của Hoa Kỳ, Anh quốc, Ấn Độ cũng từng bị coi là “kẻ thù của Internet”.¹³ Theo đánh giá của Báo cáo viên đặc biệt về tự do biểu đạt, phương pháp giới hạn ngôn luận bị cấm trên Internet phổ biến nhất là bằng việc chặn nội dung.¹⁴

Tại một số nước, khái niệm an ninh quốc gia được diễn giải quá rộng và mơ hồ, giới hạn cả những ngôn luận, phê bình có tính cách ôn hòa. Trong khi Các nguyên tắc Siracusa đã khẳng định an ninh quốc gia chỉ có thể được viện dẫn để biện minh cho các biện pháp giới hạn một số quyền khi chúng được thực hiện để bảo vệ sự tồn tại của quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập chính trị “chống lại việc sử dụng vũ

¹³ Reporters Without Borders (RSF), Enemies of the Internet 2014: entities at the heart of censorship and surveillance, <https://rsf.org/en/news/enemies-internet-2014-entities-heart-censorship-and-surveillance> (truy cập ngày 4/5/2018).

¹⁴ Báo cáo thường niên 2011, Tài liệu đã dẫn, đoạn 38.

lực hoặc đe dọa vũ lực”. Các quốc gia trong khu vực ASEAN nhìn chung được xếp hạng thấp về tự do ngôn luận, tự do báo chí. Một nguyên nhân chủ yếu là pháp luật của các nước này rất khắt khe đối với tự do biểu đạt.¹⁵ Trong lần thực hiện việc báo cáo theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ 2 (2014) tại Hội đồng Nhân quyền, Việt Nam cũng đã nhận được các khuyến nghị về sửa đổi một số tội danh trong Bộ luật Hình sự để bảo đảm các quyền tự do cơ bản, bao gồm tự do biểu đạt, và nhiều khuyến nghị về tự do biểu đạt trên Internet, một số quốc gia (Phần Lan, Áo, Ireland, New Zealand) khuyến nghị cụ thể về việc cần sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet.¹⁶

Thứ hai, sự xâm phạm quyền riêng tư từ nhà nước và các chủ thể khác cũng là một mối đe dọa đối với tự do biểu đạt. Trong nhiều tình huống, thường là ở các xã hội vốn đã thiếu tự do, cá nhân muốn ẩn danh khi nêu quan điểm của mình hoặc chia sẻ thông tin, tuy nhiên, việc không bảo đảm sự riêng tư khiến họ không thực hiện được quyền biểu đạt hoặc bị ngăn chặn khi biểu đạt. Nghị quyết 68/167 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc năm 2013, về quyền riêng tư trong thời đại kỹ thuật số, đã kêu gọi tất cả các quốc gia tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư trong truyền thông kỹ thuật số. Nó cũng kêu gọi tất cả các quốc gia xem xét các thủ tục, thông lệ và luật pháp liên quan đến theo dõi truyền thông, xâm nhập và thu thập dữ liệu cá nhân, nhấn mạnh việc các quốc gia cần đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nghĩa vụ của mình theo luật nhân quyền quốc tế.¹⁷ Trong báo cáo thường niên năm 2017, Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt của Liên Hợp

¹⁵ Tuyên bố chung của các tổ chức xã hội dân sự đối với “Đối thoại cấp cao AICHR về quản lý Internet trong thời đại thông tin”, Medan, ngày 12/4/2018.

¹⁶ Nghị định 72/2013/NĐ-CP được sửa đổi gần đây bởi Nghị định 27/2018/NĐ-CP, tuy nhiên, Điều 5 (quy định cấm lợi dụng việc sử dụng Internet nhằm mục đích: Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; tuyên truyền chiến tranh, khủng bố; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo...) vẫn được giữ nguyên. Có sự duy trì tiếp một số tội danh trong Bộ luật Hình sự 1999 (các điều 88, 258) ở Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017) (vẫn bao gồm Điều 117 – Tội làm, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu nhằm chống nhà nước, Điều 331 – Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, tổ chức, cá nhân).

¹⁷ Xem thêm: Lã Khánh Tùng, *Một số vấn đề về bảo vệ quyền riêng tư trong không gian Internet*, Kỷ yếu hội thảo “Quyền riêng tư trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”, Khoa Luật-Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 10/11/2017.

quốc cũng đã nhấn mạnh vai trò của mã hóa và ẩn danh đối với việc thực thi quyền tự do biểu đạt trực tuyến.

Thứ ba, một thách thức mới là việc nhiều nhà nước đã huy động lực lượng để bóp méo thông tin, định hướng thông tin có lợi cho giới lãnh đạo chính trị, bên cạnh sự xuất hiện của những thông tin sai, xuyên tạc (*disinformation, fake news*) xuất phát từ nhiều chủ thể trong xã hội. Khuynh hướng này gây tổn hại đáng kể đến tính trung lập (bình đẳng, không phân biệt đối xử và khách quan) của Internet, điều có vai trò trở nên quan trọng hơn nhiều ở những quốc gia thiếu báo chí, phương tiện truyền thông độc lập. Trong báo cáo năm 2017 của tổ chức Freedom House, “Tự do trên Internet: xoay sở mạng xã hội để phủ nhận dân chủ”, đã phân tích về vấn nạn nhiều nhà nước sử dụng lực lượng để tung tin giả trên Internet. Một số trường hợp đã được nhắc đến như chính quyền Philippin đã trả 10 đôla mỗi ngày cho những thành viên của “đội quân bàn phím” có nhiệm vụ ca ngợi Tổng thống R. Duterte, hay Thái Lan đã đào tạo 120.000 sinh viên thành lực lượng “hướng đạo sinh mạng” để theo dõi và báo cáo về những hoạt động trên mạng bị cho là đe dọa an ninh quốc gia.¹⁸

Thứ tư, việc các doanh nghiệp như Facebook, Youtube đóng tài khoản, gỡ hoặc chặn bài, clip cũng là một hình thức cản trở đối với tự do biểu đạt. Trước sức ép của Trung Quốc về việc chặn công cụ tìm kiếm, Google đã phải ngưng hoạt động tại quốc gia này vào năm 2010. Facebook trong rất nhiều trường hợp đã tháo gỡ hay chặn, không cho truy cập một số nội dung vì cho rằng những nội dung đó vi phạm luật pháp của một quốc gia hoặc do vi phạm Tiêu chuẩn Cộng đồng của công ty này. Đầu tháng 4 năm 2018, một số cá nhân và tổ chức xã hội dân sự Việt Nam cũng đã gửi một thư ngỏ đến lãnh đạo công ty Facebook kêu gọi tôn trọng quyền tự do ngôn luận và thông tin.

2. Tiếp cận kết nối Internet

Hội đồng Nhân quyền đã công nhận tính chất toàn cầu và cởi mở của Internet như một “*động lực đẩy nhanh tiến bộ phát triển theo các hình thức khác nhau*” và đã “*kêu gọi tất cả các quốc gia thúc đẩy và hỗ trợ tiếp cận Internet và hợp tác*”

¹⁸ Freedom House, *Freedom on the Internet: Manipulating Social Media to Undermine Democracy*, 2017.

quốc tế nhằm phát triển truyền thông và thông tin và các cơ sở truyền thông ở tất cả các quốc gia” (Nghị quyết 20/8 của Hội đồng, năm 2012).

Tuy nhiên, tiếp cận kết nối Internet (*access to Internet connection*) có phải là một quyền con người hay không vẫn là một chủ đề tiếp tục gây tranh cãi. Theo Báo cáo viên về tự do ngôn luận thì mặc dù “tiếp cận Internet chưa phải là một quyền con người”, nhưng các nhà nước “có nghĩa vụ chủ động thúc đẩy hoặc hỗ trợ việc hưởng các quyền biểu đạt và các phương tiện cần thiết để thực thi quyền này, bao gồm Internet”.¹⁹ Báo cáo viên cũng chỉ ra một số thách thức đối với tiếp cận Internet ở phạm vi các quốc gia. Tại nhiều nước có tình trạng độc quyền của một hoặc một số ít nhà cung cấp dịch vụ Internet. Điều này dẫn đến việc thiếu cạnh tranh, cùng với việc thiếu Internet băng rộng khiến cho giá sử dụng Internet cao. Việc chi phí tiếp cận cao và giá các phương tiện cơ bản (máy vi tính, phần cứng) đắt đỏ làm cho người dân tại nhiều quốc gia chưa thể tiếp cận Internet tại nhà và phải sử dụng Internet công cộng.²⁰ Những điều này làm cản trở đáng kể việc thực thi quyền biểu đạt trên không gian mạng, nhất là đối với các nhóm yếu thế như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số...

Trong một Nghị quyết vào năm 2016 (A/HRC/32/L.20), Hội đồng Nhân quyền đã đặc biệt lên án các hành động ngăn chặn tiếp cận Internet, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tiếp cận thông tin. Nghị quyết này là sự phản ứng trước việc chặn Internet tại Thổ Nhĩ Kỳ liên quan đến các vụ tấn công bằng bom, tại Bahrain nhằm chặn các cuộc biểu tình, và tại Algeria nhằm chống gian lận thi cử. Đặc biệt, chính quyền Ghana đã phải thay đổi chính sách do các tổ cáo rằng họ dự định ngăn chặn truyền thông xã hội trong cuộc bầu cử diễn ra vào tháng 11 năm 2016, sau khi có dự phản ứng dữ dội từ các nhóm xã hội dân sự, chính trị gia và Liên Hợp quốc. Gần đây hơn, vào tháng 5 năm 2018, Tòa án hành chính tối cao của Ai Cập đã ra phán quyết chặn trang Youtube trong vòng một tháng, do trang này đã đăng tải một video bị cáo buộc là có nội dung phỉ báng nhà tiên tri Muhammad của đạo Hồi, bắt

¹⁹ Báo cáo thường niên 2011 của Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt (A/66/290), được Tổng Thư ký chuyển đến Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, đoạn 61.

²⁰ Báo cáo thường niên 2011 của Báo cáo viên đặc biệt về tự do quan điểm và biểu đạt (A/66/290), được Tổng Thư ký chuyển đến Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, đoạn 65.

chấp Cơ quan quản lý viễn thông quốc gia (NTRA) đã phản đối rằng gặp nhiều khó khăn trong việc thực thi phán quyết của tòa.²¹

III. MỘT SỐ KẾT LUẬN

Internet đã từng được ca ngợi như là “công nghệ giải phóng”, vì nó đã trở thành một công cụ quan trọng giúp người dân phá bỏ xiềng xích của nhiều chế độ chuyên chế.²² Tuy nhiên, một số người đánh giá dè dặt hơn và chỉ ra cả những ảnh hưởng tiêu cực của Internet đối với các xã hội. Bi quan hơn, có nghiên cứu còn chỉ ra rằng Internet mang lại nhiều lợi ích cho các lực lượng phản dân chủ hơn là giúp ích cho những người muốn mở rộng không gian chính trị và những người bảo vệ nhân quyền.²³

Trước sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và Internet, pháp luật nhân quyền quốc tế đã được mở rộng để đáp ứng những nhu cầu mới, cân bằng giữa các giá trị về tự do, thông tin với an ninh, trật tự trong thời đại kỹ thuật số. Nhưng dường như pháp luật quốc tế và các cơ chế quốc tế mới chỉ có thể bảo vệ tự do Internet, với trung tâm là tự do biểu đạt trên Internet, ở mức độ khá hạn chế. Phần nào do các chuẩn mực quốc tế mới phát triển thêm chủ yếu ở dạng khuyến

²¹ Đối với Việt Nam, chính sách mở rộng kết nối Internet ít nhiều đã được khẳng định trên văn bản và thực tiễn. Chẳng hạn, Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, đã xác định đường lối: Khuyến khích việc ứng dụng Internet trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội để nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ cải cách hành chính, tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm an ninh, quốc phòng... (Khoản 1, Điều 4).

²² Larry Diamond, *Liberation Technology*, Journal of Democracy, 2010, 21 (3), trang 69-83.

²³ Espen Geelmuyden Rod và Nils B Weidmann, Empowering activist or autocrat? The Internet in authoritarian regimes, Journal of Peace Research, 2015, Vol. 52 (3), 338-351. Tập trung nghiên cứu giai đoạn 2006-2010, các tác giả chỉ ra rằng trong nhóm các nước sử dụng Internet ở mức độ cao, số quốc gia chuyển đổi sang hướng độc đoán là khá lớn (6 nước, bao gồm Venezuela, Nga, Iran...), trong khi ở nhóm các nước sử dụng Internet thấp thì lại không có quốc gia nào chuyển hướng một cách tiêu cực như vậy. Ở cả hai nhóm quốc gia đều có một số trường hợp chuyển đổi sang dân chủ, nhưng số lượng thuộc nhóm đầu lại ít hơn nhóm thứ hai, 5 so với 9 nước. Một số tác giả khác, như Eveny Morozov, cũng chỉ ra rằng Internet giúp các nhà độc tài nhanh chóng phát hiện những người phê phán chế độ, tuyên truyền các thông điệp ủng hộ chế độ, thúc đẩy các ý thức hệ lạc hậu.

ngiht (“luật mềm”), cộng với sự duy trì dai dẳng của quan niệm cũ về “chủ quyền quốc gia” (nay mở rộng thành “chủ quyền Internet”²⁴) trên thế giới.

Trong công cuộc bảo vệ tự do Internet, dường như giới luật gia quốc tế và ở từng quốc gia cần thêm nhiều sự phối hợp, ủng hộ của các chủ thể khác, bao gồm cả những nhà hoạt động mạng, các công dân tích cực, thông qua cả những hoạt động trực tuyến và ngoại tuyến, để thực thi các nỗ lực nhằm vận động, phát triển các chuẩn mực và thực hành tốt nhằm bảo vệ tự do biểu đạt ở cả hai khía cạnh kết nối và nội dung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nxb. Hồng Đức, 2012.

2. *Freedom of expression and ICTs: Overview of international standards*, ARTICLE 19, 2013.

3. Molly Land, *Toward an International Law on the Internet*, Harvard International Law Journal, Vol.54, Number 2, Summer 2013.

4. Freedom House, *Freedom on the Internet: Manipulating Social Media to Undermine Democracy*, 2017.

²⁴ Một số nhà nước vẫn đang nhấn mạnh quan điểm về “chủ quyền Internet” với toàn quyền của nhà nước. Tuy nhiên, quan niệm này bị vướng cả về pháp lý (Khoản 2, Điều 19 ICCPR khẳng định việc biểu đạt, truyền tải, tiếp nhận thông tin và quan điểm là “không phân biệt biên giới”) và những thách thức về kỹ thuật.